

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT FDI Ở VIỆT NAM

TS. Đào Văn Hiệp

Trường Đại học Hải Phòng

Có nhiều lý thuyết khác nhau lý giải về nguyên nhân, bản chất và sự phát triển của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), phản ánh tầm quan trọng cũng như tính phức tạp của hoạt động này như lý thuyết lợi nhuận cận biên, lý thuyết dựa trên sự không hoàn hảo của thị trường, lý thuyết chu kỳ sản phẩm, lý thuyết chiết trung hay mô hình OLI, lý thuyết phát triển về các bước phát triển của đầu tư... Tuy nhiên, ngoài những lý thuyết nêu trên còn có một số lý thuyết phản ánh quan hệ giữa FDI với chuyển dịch cơ cấu (CDCC) kinh tế, bài viết thông qua nội dung này đề xuất định hướng thu hút FDI ở Việt Nam nhằm góp phần tái cơ cấu các ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), tạo đà cho sự tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế.

1. Một số lý thuyết về FDI với vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.1. Lý thuyết về lợi thế so sánh:

Do nhà kinh tế học người Anh David Ricardo đề xuất năm 1817 dùng để giải thích hiện tượng thương mại quốc tế và sau này được vận dụng để giải thích hiện tượng đầu tư quốc tế. Theo lý thuyết về lợi thế so sánh, dựa trên nguyên tắc lợi thế so sánh của các yếu tố đầu tư (vốn, lao động, công nghệ) giữa các nước, trong đó đặc biệt là giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển thì hoạt động đầu tư nước ngoài (ĐTNN) sẽ mang lại lợi ích cho cả hai bên, ngay cả khi một trong hai nước có thể sản xuất mọi thứ hàng hoá rẻ hơn nước kia. Dù cho từng nước có thể có hiệu suất tuyệt đối cao hơn hoặc thấp hơn các nước khác, nhưng mỗi nước vẫn có một lợi thế so sánh nhất định

về những điều kiện sản xuất khác. Lý thuyết này cũng cho thấy ĐTNN sẽ tạo điều kiện cho các nước tiến hành chuyên môn hoá và phân công lao động có hiệu quả hơn là chỉ thuần túy dựa vào sản xuất trong nước. Chẳng hạn, các công ty xuyên quốc gia (TNCs) của các nước công nghiệp phát triển nghiên cứu kỹ lưỡng tiềm năng, thế mạnh từng nước đang phát triển (ĐPT) để đưa một bộ phận trong dây chuyền sản xuất sang một nước thích hợp. Sự phân công này thường thích hợp với những ngành nhiều công đoạn sản xuất, đòi hỏi những trình độ kỹ thuật khác nhau (ví dụ, chế tạo ô tô, xe máy, điện tử,...). Dưới sự điều khiển của các công ty mẹ, các sản phẩm này sẽ được nhập khẩu, xuất khẩu trong nội bộ TNCs hoặc tập hợp lại ở một nước nào đó để lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh phục vụ xuất khẩu hoặc tiêu thụ. Như vậy, thông qua hình thức đầu tư

trực tiếp này mà TNCs đã tham gia điều chỉnh cơ cấu kinh tế ở các nước ĐPT. Từ đó, chính phủ của các nước có thể đưa ra các chính sách phát triển những ngành sản xuất huy động được cao nhất những nguồn lực mà đất nước có lợi thế, các chính sách về hợp tác kinh tế quốc tế nhằm phát huy lợi thế tương đối của mình làm cho kinh tế trong nước hoà nhập với nền kinh tế thế giới phù hợp với xu thế toàn cầu hoá hiện nay, qua đó góp phần đẩy nhanh quá trình CDCC kinh tế theo hướng CNH- HĐH ở các nước ĐPT.

1.2. Lý thuyết cơ cấu:

Đại diện tiêu biểu là Hymer-Kindleberger và Albert Hirschman đã phân tích, lý giải rõ nội dung vai trò của ĐTNN đối với quá trình thay đổi cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu các ngành công nghiệp ở các nước ĐPT. ĐTNN được coi là kênh quan trọng để di chuyển vốn, chuyển giao công nghệ, tạo

dựng mạng lưới phân phối... cho các nước ĐPT. Điều đó không những tạo cho các nước ĐPT cơ hội tiếp nhận vốn, công nghệ kinh nghiệm quản lý cho quá trình CNH, HĐH, mà còn giúp các nước ĐPT tận dụng và kế thừa được tác động của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước phát triển và tham gia vào trật tự phân công lao động quốc tế mới. Đây chính là các yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến việc tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp và giảm tỷ trọng của các ngành kinh tế truyền thống (nông nghiệp, khai thác).

1.3. Lý thuyết hiệu ứng "đàn nhạn bay":

Do giáo sư Nhật Bản Kaname Akamatsu đưa ra vào năm 1961, lý thuyết này đã chỉ ra sự khác nhau về tầm quan trọng của các yếu tố sản xuất trong các giai đoạn phát triển sản phẩm đã làm nảy sinh quy luật chuyển dịch lợi thế. Nhằm CDCC kinh tế, đổi mới cơ cấu kỹ thuật, hiện đại hoá nền kinh tế, tập trung nghiên cứu và phát triển (R & D) những ngành công nghiệp mũi nhọn để chiếm lĩnh và chi phối nền kinh tế thế giới, những nước công nghiệp phát triển luôn có nhu cầu chuyển dịch các ngành nghề đã xế chiều, các kỹ thuật đã lạc hậu, các sản phẩm đã "lão hoá" sang các nước khác để vừa tập trung vốn phát triển các ngành nghề, kỹ thuật mới, vừa kéo dài "tuổi thọ" của các công nghệ và sản phẩm của mình, qua đó, thu lợi nhuận cao. Tương tự những nước công nghiệp kém phát triển hơn những nước công nghiệp mới (NICs) cũng có nhu cầu chuyển dịch đầu tư các công nghệ, sản phẩm đã mất dần lợi thế so sánh sang các nước

kém phát triển hơn. Thông thường, quá trình chuyển giao công nghệ trên thế giới diễn ra theo mô hình "đàn nhạn bay", nghĩa là các nước công nghiệp phát triển chuyển giao công nghệ, thiết bị sang các nước công nghiệp kém phát triển hơn hoặc các nước NICs; đến lượt mình các nước này lại chuyển dịch đầu tư sang các nước ĐPT hay chậm phát triển. Riêng ở khu vực Đông Á, ĐTNN của Nhật Bản vào các nền kinh tế mới công nghiệp hoá (NICs), rồi từ Nhật Bản và các nền kinh tế mới công nghiệp hoá vào các nước ASEAN, đã làm thay đổi bộ mặt các nền kinh tế khu vực và thúc đẩy quá trình phân công và hợp tác cũng như liên kết khu vực. Tuy vậy, cũng cần lưu ý rằng, để tận dụng quy luật chuyển dịch lợi thế nói trên, cần phải có những điều kiện nhất định. Chẳng hạn, để tiếp nhận được công nghệ hiện đại, cần phải có điều kiện cơ sở hạ tầng tốt, đội ngũ công nhân có trình độ kỹ thuật cao và các ngành công nghiệp cơ bản phải phát triển ở mức độ nhất định. Những nước ĐPT hoặc chậm phát triển chủ yếu tiếp nhận những ngành sử dụng nhiều lao động, sử dụng tài nguyên tại chỗ, thậm chí cả những ngành gây nhiều ô nhiễm môi trường.

2. Định hướng thu hút FDI ở Việt Nam góp phần CDCC kinh tế

Như vậy, ĐTNN đem lại tác động to lớn đối với nền kinh tế của nước tiếp nhận đầu tư, như làm CDCC kinh tế, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... nhất là đối với những nước đang phát triển có nhiều tiềm năng về tài nguyên, lao động nhưng thiếu điều kiện khai thác và sử dụng thì ĐTNN có vai trò vô cùng

quan trọng. Tuy nhiên, không phải lúc nào ĐTNN cũng mang lại tác động tích cực đó, nếu như nước tiếp nhận đầu tư không chủ động xây dựng các chủ trương, chính sách thu hút FDI hướng tới góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển nền kinh tế, trong đó có quá trình tái cấu trúc các ngành kinh tế. Kinh nghiệm của nhiều nước, nhất là các nước có nền kinh tế lạc hậu, chậm phát triển cho thấy sau một thời gian thu hút vốn FDI, vấn đề bất hợp lý trong cơ cấu kinh tế càng trở nên trầm trọng và rất khó khắc phục. Việc nghiên cứu một số lý thuyết về ĐTNN liên quan tới vấn đề CDCC kinh tế cho ta cơ sở quan trọng trong việc định hướng thu hút vốn FDI nhằm góp phần tái cơ cấu các ngành kinh tế theo hướng CNH, HĐH trong thời gian tới. Điều này được thể hiện:

Thứ nhất, cần có chiến lược hợp tác đầu tư với nước ngoài gắn với chiến lược cơ cấu kinh tế ngành và chiến lược phát triển kinh tế của cả nước.

Thông thường, mỗi nhà đầu tư đều có mục tiêu riêng cũng như thế mạnh riêng của mình, nên đương nhiên họ muốn phát huy tiềm năng của họ để khai thác có hiệu quả tiềm năng của nước chủ nhà ở lĩnh vực mà họ có khả năng, nên việc xây dựng chiến lược thu hút đầu tư muốn gắn với việc thực hiện có hiệu quả chiến lược cơ cấu kinh tế ngành phải theo phương châm không thể duy trì các chính sách đầu tư dàn trải, mà kết hợp hài hoà giữa lợi ích trong nước và lợi ích các nhà ĐTNN, cần đảm bảo đầu tư có trọng điểm, có chính sách ưu đãi riêng thật mạnh mẽ cho các lĩnh vực, địa bàn cần ưu tiên, kể cả việc xác định danh mục đầu tư ưu tiên

kèm các ưu đãi cá biệt cho mỗi dự án khi chưa có chính sách ưu đãi chung, song vẫn đảm bảo cho cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng CNH, HĐH.

Xây dựng quy hoạch ngành và các sản phẩm chủ yếu để xác định rõ phạm vi về hoạt động của ĐTNN và của đầu tư trong nước, làm cơ sở cho việc định kỳ công bố danh mục các dự án kêu gọi đầu tư. Quy hoạch các khu công nghiệp, khu chế xuất, đặc khu kinh tế, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và vùng lãnh thổ và có chính sách thu hút ĐTNN dành riêng vào các khu đó.

Để thực hiện CDCC kinh tế, cần phải huy động nhiều và sử dụng hợp lý các nguồn vốn đầu tư. Để có cơ sở huy động nguồn lực (kể cả tài chính, công nghệ, kinh nghiệm quản lý hiện đại) cần có chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế cụ thể trên quy mô toàn quốc, từng vùng trọng điểm và từng địa phương chỉ rõ ngành nghề lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư phát triển, từ đó xây dựng các phương án huy động nguồn lực từ mọi nguồn cả trong và ngoài nước, trong đó coi việc xây dựng quy hoạch ĐTNN với tư cách là một thành phần kinh tế, một bộ phận hữu cơ trong quy hoạch tổng thể các nguồn lực của cả nước có ảnh hưởng rất lớn đến chiến lược phát triển kinh tế và CDCC kinh tế của đất nước. Quy hoạch tập trung cần khuyến khích ĐTNN vào các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu với công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, điện tử, năng lượng, những ngành mà trong nước có lợi thế về nguyên liệu và lao động. Đồng thời cũng cần có chính sách thu hút ĐTNN hướng về xuất khẩu, góp phần

tích cực vào quá trình tái cấu trúc cơ cấu kinh tế gắn với những bước tiến mới về khoa học, công nghệ và sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.

Việc huy động vốn đầu tư nước ngoài hướng vào các ngành đang cần phát triển trong nước là cần thiết. Để khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành đó, phải có chính sách ưu đãi nhiều mặt cho các nhà đầu tư nước ngoài vào thực hiện chúng, chứ không phải bằng mệnh lệnh áp đặt hay can thiệp trực tiếp, chẳng hạn như bổ sung các ưu đãi cao hơn đối với các dự án chế biến nông, lâm, thủy sản, các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội; hỗ trợ doanh nghiệp hướng mạnh vào xuất khẩu, khai thác thị trường mới. Mặc dù thực hiện các chính sách ưu tiên, ưu đãi, nhưng không được phép ưu tiên, ưu đãi bằng mọi giá. Trái lại phải tuân thủ thu hút ĐTNN bên cạnh ưu tiên, ưu đãi, phải gắn với những điều kiện nhất định, trong đó phải tuân thủ yêu cầu phát triển bền vững và phục vụ mục tiêu đến năm 2020, nước ta phải thực sự là nước công nghiệp hiện đại.

Thứ hai, tập trung thu hút các công ty đa quốc gia (MNCs) và xuyên quốc gia (TNCs) đầu tư vào những ngành có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình CNH, HĐH.

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình thực hiện CNH, HĐH trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, lạc hậu, cơ cấu kinh tế mất cân đối, cần có chính sách thu hút các công ty xuyên quốc gia có tiềm lực về vốn, công nghệ, kỹ thuật đầu tư trước hết vào những ngành công nghiệp quan trọng. Từ trình độ hiện

đại của những ngành này sẽ có điều kiện để tiếp tục trang bị kỹ thuật, công nghệ hiện đại cho các ngành kinh tế quốc dân khác để tạo ra sự đồng bộ trong quá trình CNH, HĐH. Đó là các ngành công nghiệp chế tạo cơ khí và công nghiệp sản xuất vật liệu cơ bản, trong đó có những ưu đãi đặc biệt để thu hút các ngành có tính chiến lược là điện tử, tin học, hoá chất và lĩnh vực dịch vụ bưu chính viễn thông. Việc tăng cường đầu tư vào các ngành này không chỉ tạo ra sự phát triển của ngành đó và kéo theo sự phát triển của các ngành khác mà còn tạo ra lợi thế so sánh của đất nước trong thu hút ĐTNN với các nước trong khu vực.

Quá trình CDCC kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở nước ta rất cần đến các thế mạnh về vốn và công nghệ của các công ty xuyên quốc gia, ngược lại các công ty này cũng muốn tranh thủ những nhu cầu trên của nước chủ nhà để khai thác những tiềm năng về nguyên liệu, lao động rẻ chưa được khai thác. Nhận thức đúng về mối quan hệ này sẽ có được những giải pháp hữu hiệu để thu hút vốn ĐTNN. Tuy vậy, điều khó khăn nhất là phải hướng được nguồn vốn này kết hợp tối ưu với nguồn vốn trong nước phục vụ thiết thực cho quá trình CNH, HĐH đất nước, bởi vì mặc dù chúng ta có quyền đưa ra các yêu cầu nhưng chủ đầu tư nước ngoài cũng có quyền từ chối đầu tư. Ở đây đòi hỏi sự linh hoạt và nghệ thuật trong hoạch định đường lối chính sách để vừa đảm bảo lợi ích quốc gia vừa đáp ứng lợi ích hợp lý của chủ đầu tư phù hợp với lợi thế so sánh của từng bên ở từng dự án và trong từng thời kỳ. Nhất là trong điều kiện cung cầu

vốn đầu tư quốc tế ngày càng căng thẳng, cạnh tranh giữa các nước trong thu hút vốn đầu tư ngày một gay gắt, thì càng không thể áp đặt các nhà ĐTNN tuân theo những điều kiện phi lý của nước chủ nhà mà cần có sự định hướng cho họ thông qua luật pháp và các chính sách ưu đãi nhằm hướng ĐTNN tập trung vào những ngành, lĩnh vực phục vụ cho quá trình CDCC kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Cụ thể:

- Các ngành và lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư là các dự án sản xuất chế biến xuất khẩu, xây dựng các vùng nguyên liệu sản xuất các loại giống mới có chất lượng và có hiệu quả kinh tế cao và vùng nuôi trồng nông, lâm, thủy sản đồng thời là các dự án chế biến nông sản, lâm sản thủy sản từ nguồn nguyên liệu trong nước nhằm gia tăng giá trị xuất khẩu, các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

- Có những chính sách khuyến khích đối với các dự án có ảnh hưởng quan trọng đến việc thực hiện CDCC kinh tế CNH, HĐH đất nước, đó là các ngành kinh tế trọng điểm như khai thác và chế biến dầu khí, xi măng đặc chủng, bưu chính viễn thông, sản xuất thép cao cấp, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác,... Một số ngành công nghiệp mũi nhọn trong công nghệ và kỹ thuật như linh kiện, thiết bị điện tử, công nghệ tin học, công nghệ sinh học, công nghệ máy để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông,...

- Khuyến khích các dự án đầu tư phát triển sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu trong các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm sử dụng nhiều nguyên liệu vật tư trong nước và của công nghiệp hỗ trợ.

- Cần chú trọng thu hút các dự án đầu tư có tác động mạnh mẽ đến đổi mới toàn diện các hoạt động dịch vụ và phát triển hơn nữa một số ngành dịch vụ quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế khác. Đó là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như hàng hải, hàng không và hiện đại hoá hơn nữa ngành bưu chính viễn thông, dự án phát triển các ngành tài chính- ngân hàng và các dự án cho đổi mới về chất hoạt động y tế, giáo dục đào tạo,...

Để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nền kinh tế nhằm tăng cường khả năng hoà nhập của Việt Nam với khu vực và thế giới, cần phải có chính sách thích hợp đối với các nước lớn trên thế giới và các nước trong khu vực khi lựa chọn đối tác đầu tư. Bên cạnh việc tăng cường hợp tác đầu tư với các nước trong khu vực, cần đẩy mạnh việc thu hút vốn của các nước lớn, các trung tâm, phát triển từ đầu tư song phương sang đầu tư đa phương vào những ngành then chốt tại các vùng xung yếu (biên giới, trên biển), tại các khu công nghiệp lớn coi đó là những đối tác quan trọng để tranh thủ vốn công nghệ, tạo thế cân bằng lực lượng có lợi cho việc đảm bảo độc lập chủ quyền, giữ vững an ninh chính trị và kinh tế. Đối với các dự án lớn thuộc những ngành công nghệ mũi nhọn hoặc các công trình then chốt nhất thiết phải hướng vào các đối tác của các nước có nền công nghiệp phát triển như Mỹ, Nhật, Tây Âu và một phần của các nước NICs Đông Á là những nước có

"công nghệ thượng nguồn". Việc khuyến khích ĐTNN tập trung vào những lĩnh vực, những ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn nêu trên không chỉ đáp ứng được các điều kiện quan trọng để thực hiện nhiệm vụ CNH, HĐH nền kinh tế, mà còn thu hút và khai thác được thế mạnh của các công ty xuyên quốc gia về vốn, kỹ thuật quản lý, đặc biệt là tăng cường khả năng HĐH thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ từ các cơ sở sản xuất của họ ở những nước có trình độ phát triển cao hơn.

Thứ ba, điều chỉnh cơ cấu ĐTNN phù hợp với cơ cấu chuyển dịch của nền kinh tế và có những cơ chế, chính sách khuyến khích ĐTNN gắn với sự CDCC kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế mới theo hướng CNH, HĐH.

ĐTNN chỉ là một bộ phận trong cơ cấu của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Do vậy, cơ cấu ĐTNN không phải lúc nào cũng là hình ảnh thu nhỏ của cơ cấu chung của nền kinh tế. Để xác định cơ cấu ĐTNN phải từ quy hoạch tổng thể để tìm ra những mục tiêu, ở đó ta và bên nước ngoài có khả năng gặp nhau do cùng đạt được lợi ích nhiều nhất, từ đó từng bước hình thành một cơ cấu ĐTNN phù hợp nhất với cơ cấu chuyển dịch của nền kinh tế. Xây dựng cơ cấu ĐTNN chỉ trên cơ sở mong muốn của ta mà không tính đến khả năng và điều kiện của bên nước ngoài là điều không thực tế, nhất là ở vào giai đoạn hiện nay, khi mà tình hình cạnh tranh thu hút vốn ĐTNN trong khu vực và trên thế giới đang ngày càng trở nên gay gắt. Nhà nước Việt Nam cũng đã có những khuyến khích với mức ưu đãi khác nhau đối với ngành nghề cụ thể nhằm thu

hút ĐTNN hướng đến một cơ cấu kinh tế hợp lý. Tránh khuyến khích đầu tư một cách chung chung, dàn trải mà cần chú trọng đến các ngành đòi hỏi kỹ thuật- công nghệ của các ngành công nghiệp mũi nhọn, các ngành trọng điểm, mũi nhọn khác mà trong nước chưa tự phát triển được bằng các khuyến khích đặc biệt về thời gian miễn giảm thuế và các ưu đãi khác, như ngành điện tử- tin học, công nghiệp công nghệ thông tin, ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, công nghiệp cơ khí chế tạo... Sự phát triển của các ngành này sẽ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp, làm thay đổi cơ cấu các ngành của nền kinh tế, tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Các dự án đầu tư vào lĩnh vực mới, hình thành các ngành nghề mới cần có nhiều ưu đãi riêng nhằm tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Hình thức đầu tư, mức độ tham gia góp vốn và lĩnh vực ngành nghề cho phép người nước ngoài tham gia cần được cân nhắc, không vì nhu cầu vốn đầu tư bức bách mà cho phép đầu tư vào những lĩnh vực làm phương hại đến chủ quyền và an ninh trên lĩnh vực kinh tế. Để quá trình CDCC kinh tế diễn ra nhanh và đúng hướng, cần chú trọng lựa chọn

đúng đối-tác đầu tư có khả năng đáp ứng những mục tiêu đề ra. Trước mắt tiếp tục khuyến khích các nhà đầu tư Nhật Bản và tập trung vào các nước Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Mỹ- nơi có nhiều công ty xuyên quốc gia có tiềm năng lớn và có ưu thế là tính ổn định trong hoạt động đầu tư cao. Để thu hút sự quan tâm của các công ty này không chỉ đơn thuần là những ưu đãi về thuế, mà cần cung cấp đầy đủ, rõ ràng cho họ những thông tin về môi trường đầu tư của đất nước.

Tóm lại: Mỗi lý thuyết về ĐTNN đều phản ánh tác động của hoạt động đầu tư đối với nền kinh tế của các nước tiếp nhận đầu tư ở những góc độ khác nhau. Việc nghiên cứu các lý thuyết về ĐTNN có liên quan đến vấn đề CDCC kinh tế, có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp tục đề xuất định hướng thu hút nguồn vốn FDI phục vụ cho công cuộc tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng CNH, HĐH đất nước vào thời điểm hiện nay là hết sức cần thiết. Việc thu hút và sử dụng vốn ĐTNN những năm qua đã tạo ra cú hích cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và tác động rất lớn đến quá trình CDCC kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Thông qua ĐTNN đã xuất hiện (tập trung vào lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ) nhiều ngành nghề mới với công nghệ tiên tiến góp phần làm thay đổi tỷ trọng các

ngành theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong điều kiện đất nước còn rất hạn hẹp về vốn, trình độ kỹ thuật công nghệ thấp kém, lao động trình độ thấp.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, cũng đã xuất hiện những bất hợp lý về cơ cấu đầu tư từ nguồn vốn ĐTNN và về công nghệ, thiết bị máy móc nước ngoài có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình CDCC kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Để có thể duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định và để thực hiện mục tiêu đưa nước ta thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, đòi hỏi phải đẩy nhanh hơn nữa quá trình CDCC. Việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn ĐTNN sẽ là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu trên. Muốn vậy, điều mấu chốt là chúng ta cần có sự linh hoạt và nghệ thuật trong hoạch định chính sách và giải pháp hướng các TNCs đầu tư vào những địa chỉ mà chúng ta mong muốn, đó là các lĩnh vực, các ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn có khả năng lớn trong việc làm chuyển biến cơ cấu nền kinh tế. Hy vọng việc nghiên cứu các lý thuyết ĐTNN đã nêu sẽ góp phần xác định được hướng đi đúng trong thu hút FDI để đem lại kết quả mong muốn. □

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2000), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2005), Luật Đầu tư Việt Nam, Hà Nội.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2000), Nghị định 24/2000/NĐ- CP ngày 31/7/2000 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
4. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI (2011), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.